

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19/05/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
Căn cứ Thông tư số 69/2007/TT-BTC ngày 25/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 151/2006/NĐ-CP ng
dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;
Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH :

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2007.
- Điều 3.** Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách

QUY CHẾ

QUẢN LÝ VỐN TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQL
ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng quản lý
Ngân hàng Phát triển Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện nghiệp vụ quản lý vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước áp dụng trong hệ thống Ngân hàng Ph

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- NHPT** là tên viết tắt của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Chi nhánh** là từ dùng chung cho các Sở Giao dịch, Chi nhánh NHPT tại các khu vực và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Nhà xuất khẩu** là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế Việt Nam xuất khẩu hàng hoá do Việt Nam sản xuất.
- Nhà nhập khẩu nước ngoài** (sau đây viết tắt là nhà nhập khẩu) là tổ chức nước ngoài mua hàng hoá do Việt Nam sản xuất.
- Khách hàng** là nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu sử dụng các hình thức tín dụng xuất khẩu quy định tại Điều 3 Quy chế này.
- Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu** là Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu ban hành kèm theo l
20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ q
- Cho vay từng lần** là việc NHPT và Khách hàng thoả thuận vay vốn căn cứ trên từng hợp đồng xuất khẩu cụ thể. Mỗi lần vay vốn,
tục vay vốn theo quy định tại Quy chế này.
- Cho vay theo hạn mức** là việc NHPT và Khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức cho vay duy trì trong một khoảng thờ
tối đa không vượt quá hạn mức cho vay đã được thoả thuận tại hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức.
- Thời hạn rút vốn của hạn mức cho vay** là khoảng thời gian Khách hàng được phép rút vốn vay trong phạm vi hạn mức cho vay.
- Thời hạn cho vay** là khoảng thời gian từ khi rút vốn lần đầu đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng.
- Kỳ hạn trả nợ** là các khoảng thời gian quy định cho từng lần trả nợ trong thời hạn trả nợ.

12. **Cho vay trước khi giao hàng** là việc NHPT cho vay để thu mua nguyên vật liệu và các yếu tố sản xuất, kinh doanh để thực hiện
13. **Cho vay sau khi giao hàng** là việc NHPT cho vay sau khi hàng hoá đã được xuất khẩu và đã có bộ chứng từ hàng xuất.
14. **Phương án sản xuất kinh doanh** là một tập hợp những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng t
xác định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng.
15. **Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu** là cam kết của NHPT (bên bảo lãnh) với tổ chức cho vay vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu (b
thay Khách hàng (bên được bảo lãnh) trường hợp Khách hàng không trả hoặc trả nợ không đủ cho bên nhận bảo lãnh.
16. **Bảo lãnh dự thầu xuất khẩu** là cam kết của NHPT (bên bảo lãnh) với bên mời thầu (bên nhận bảo lãnh), để đảm bảo nghĩa v
(bên được bảo lãnh). Trường hợp Khách hàng phải nộp phạt do vi phạm quy định đấu thầu mà không nộp hoặc nộp không đầy đủ t
sẽ thực hiện thay.
17. **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu** là cam kết của NHPT (bên bảo lãnh) với nhà nhập khẩu (bên nhận bảo lãnh), đản
nghĩa vụ của Khách hàng (bên được bảo lãnh) theo hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với bên nhận bảo lãnh. Trường hợp Khách l
thường thiệt hại cho bên nhận bảo lãnh mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì NHPT sẽ thực hiện thay.

Điều 3. Các hình thức tín dụng xuất khẩu

Một hợp đồng xuất khẩu hoặc nhập khẩu, nếu bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định, chỉ được áp dụng một trong những hình thức

1. Cho nhà xuất khẩu Việt Nam vay;
2. Cho nhà nhập khẩu nước ngoài vay;
3. Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu;
4. Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Điều 4. Kế hoạch tín dụng xuất khẩu

1. Hàng năm, chậm nhất vào ngày 20/7 trước năm kế hoạch, NHPT lập và báo cáo Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính và Ngân h
dụng xuất khẩu để tổng hợp chung trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.
2. Căn cứ kế hoạch tín dụng xuất khẩu của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm và tình hình thực tế trên địa b
nhánh, Tổng Giám đốc NHPT quy định việc lập và giao kế hoạch tín dụng xuất khẩu cho các Chi nhánh.

Điều 5. Phân cấp cho vay, bảo lãnh

Tổng Giám đốc NHPT quy định việc phân cấp cho vay, bảo lãnh trong hệ thống NHPT phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính thống
các cá nhân, tập thể về các quyết định cho vay, bảo lãnh trong phạm vi được phân cấp, đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, đúng hạn.

Điều 6. Chế độ báo cáo thống kê, kế toán

Các đơn vị thuộc và trực thuộc NHPT thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy
NHPT.

Điều 7. Rủi ro và xử lý rủi ro vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

1. Trường hợp Khách hàng gặp rủi ro bất khả kháng không trả được nợ; doanh nghiệp Nhà nước gặp khó khăn về tài chính nhấ
chuyển đổi sở hữu thì được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Biện pháp xử lý rủi ro vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước gồm : điều chỉnh thời hạn trả nợ, gia hạn nợ, khoanh nợ, xoá nợ (gốc
3. Điều kiện, thẩm quyền, hồ sơ và trình tự khoanh nợ, xoá nợ (gốc, lãi) vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước thực hiện theo quy địn
4. Tổng Giám đốc NHPT quy định điều kiện, thẩm quyền, hồ sơ và trình tự điều chỉnh thời hạn trả nợ, gia hạn nợ vốn tín dụng xuất k

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục I
CHO NHÀ XUẤT KHẨU VAY

Điều 8. Đối tượng cho vay

Khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong nước có hợp đồng xuất khẩu hàng hoá nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn tí

Điều 9. Điều kiện cho vay

Khách hàng thuộc đối tượng quy định tại Điều 8 Quy chế này có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Có hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu hàng hoá nằm trong Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu;
3. Có phương án sản xuất kinh doanh được NHPT thẩm định và chấp thuận;
4. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ, Quy chế bảo đảm tiền vay của NHPT và Điều 14 Quy chế này.

Điều 10. Đồng tiền cho vay và trả nợ

1. Đồng tiền cho vay là đồng Việt Nam và ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc cho vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thực hiện đối với hàng xuất khẩu nguyên liệu mà Khách hàng có nguồn thu ngoại tệ để trả nợ.
2. Về nguyên tắc, vay bằng đồng Việt Nam trả nợ bằng đồng Việt Nam, vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi trả nợ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.
3. Trường hợp Khách hàng vay vốn bằng đồng Việt Nam có nhu cầu trả nợ bằng ngoại tệ, NHPT tiến hành thu nợ theo tỷ giá mua và bán ngoại tệ tại thời điểm thu nợ.

Điều 11. Mức vốn cho vay

1. Mức vốn cho vay đối với từng hợp đồng do NHPT quyết định, tối đa bằng 85% giá trị hợp đồng xuất khẩu hoặc giá trị L/C đối với hàng xuất khẩu có giá hối phiếu hợp lệ đối với cho vay sau khi giao hàng.
2. Khách hàng phải huy động đủ các nguồn vốn hợp pháp khác như vốn chủ sở hữu, vốn vay các tổ chức, cá nhân để thực hiện kinh doanh.
3. Mức vốn cho vay bằng ngoại tệ do NHPT quyết định trên cơ sở nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu của khách hàng và tổng mức vốn cho vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Điều 12. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm của từng hợp đồng xuất khẩu và khả năng trả nợ của khách hàng, không quá 12 tháng.
2. Trường hợp cần thiết, thời hạn cho vay trên 12 tháng, Tổng Giám đốc NHPT đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.
3. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định cho vay với thời hạn trên 12 tháng, NHPT thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay xuất khẩu thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. Trường hợp Khách hàng vừa vay vốn bằng đồng Việt Nam, vừa vay vốn bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thì áp dụng lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam, áp dụng mức lãi suất cho vay bằng ngoại tệ đối với phần vốn vay bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.
3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng tín dụng tính trên số nợ gốc và nợ lãi chậm trả.

Điều 14. Bảo đảm tiền vay

1. Khách hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu có bảo đảm bằng tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh (sau đây gọi là cho vay có bảo đảm) thì thực hiện theo quy định của Quy chế bảo đảm tiền vay và các hướng dẫn của NHPT.
2. NHPT cho vay không có bảo đảm tiền vay trong các trường hợp sau:
 - a) Cho vay theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - b) NHPT lựa chọn Khách hàng có đủ các điều kiện sau:
 - Có kết quả sản xuất kinh doanh có lãi trong 2 năm liền kề thời điểm xem xét cho vay;
 - Có uy tín trong quan hệ tín dụng với NHPT và với các tổ chức tín dụng;
 - Có văn bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của NHPT trường hợp Khách hàng sử dụng vốn vay tín dụng mà không trả nợ trước hạn cho NHPT.
 - c) Cho vay sau khi giao hàng: Khách hàng có bộ chứng từ hàng xuất hoàn hảo theo quy định của L/C hoặc có văn bản chấp thuận của nhà nhập khẩu đối với trường hợp thanh toán bằng phương thức L/C.

Điều 15. Phương thức cho vay

NHPT thoả thuận với Khách hàng về việc áp dụng các phương thức cho vay dưới đây:

1. Cho vay từng lần.
2. Cho vay theo hạn mức.

Điều 16. Tiếp nhận hồ sơ vay vốn

Hồ sơ vay vốn tín dụng xuất khẩu gồm: hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính, phương án sản xuất kinh doanh, hồ sơ bảo đảm tiền vay. NHPT hướng dẫn Khách hàng lập và gửi hồ sơ vay vốn theo quy định từ Điều 17 đến Điều 20 Quy chế này.

Điều 17. Hồ sơ pháp lý

1. Đối với Khách hàng vay vốn lần đầu tại NHPT
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính;
 - b) Điều lệ doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp tư nhân) - bản sao có xác nhận sao y bản chính của Khách hàng;
 - c) Văn bản xác định rõ người đại diện theo pháp luật của Khách hàng (áp dụng trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này hoặc có nội dung này nhưng thực tế đã có thay đổi) - bản sao có xác nhận sao y bản chính của Khách hàng;
 - d) Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán do cơ quan hoặc người có thẩm quyền ban hành - bản sao có xác nhận sao y bản chính;
 - e) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận về việc vay vốn và thế chấp, cầm cố tài sản trong trường hợp phải có ý kiến của cơ quan pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp - bản chính.
2. Các lần vay vốn tiếp theo, Khách hàng chỉ bổ sung hồ sơ pháp lý trong trường hợp có sự thay đổi trong các hồ sơ này.

Điều 18. Hồ sơ tài chính

1. Đối với Khách hàng vay vốn lần đầu tại NHPT
 - a) Báo cáo tài chính 02 năm và quý gần nhất đến thời điểm vay vốn theo quy định của pháp luật. Đối với các Khách hàng là đơn vị kinh doanh chính hoặc các loại hình doanh nghiệp pháp luật không yêu cầu lập báo cáo tài chính quý, Khách hàng lập Báo cáo nhanh tình hình tài chính. Trường hợp báo cáo tài chính của Khách hàng đã được kiểm toán, Khách hàng gửi cho NHPT báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - b) Bảng kê danh mục các tổ chức tín dụng mà Khách hàng có quan hệ tín dụng tại thời điểm đề nghị vay vốn trong đó có các nội dung về tình trạng công nợ.
2. Các lần vay vốn tiếp theo, Khách hàng chỉ bổ sung các báo cáo tài chính quý, năm tiếp theo và bảng kê danh mục các tổ chức tín dụng tại thời điểm vay vốn.

Điều 19. Phương án sản xuất kinh doanh

1. Đối với cho vay từng lần:
 - a) Trường hợp cho vay trước khi giao hàng:
 - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh - bản chính;
 - Hợp đồng xuất khẩu hoặc Hợp đồng ủy thác xuất khẩu hoặc đơn đặt hàng xuất khẩu - bản chính hoặc bản sao có xác nhận sao y bản chính;
 - Thông báo L/C; L/C và các sửa đổi L/C trong trường hợp vay vốn theo L/C - bản chính hoặc bản sao có xác nhận sao y bản chính của Khách hàng;
 - b) Trường hợp cho vay sau khi giao hàng:
 - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh - bản chính;
 - Hợp đồng hoặc đơn đặt hàng xuất khẩu hoặc L/C do ngân hàng phục vụ nhà nhập khẩu phát hành trường hợp vay theo L/C - bản chính hoặc bản sao có xác nhận sao y bản chính của Khách hàng;
 - Bộ chứng từ hàng xuất kèm Thông báo đòi tiền hoặc Thông báo gửi chứng từ kèm yêu cầu thanh toán hoặc Chỉ thị nhờ thu của ngân hàng xuất khẩu - bản chính hoặc bản sao có xác nhận sao y bản chính của Khách hàng.
2. Đối với cho vay theo hạn mức:

Giấy đề nghị vay vốn theo hạn mức kèm phương án sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của kỳ dự kiến xin vay - bản chính;
3. Trừ các tài liệu bằng tiếng Anh, đối với các tài liệu bằng ngôn ngữ nước ngoài khác, Khách hàng cung cấp bản dịch tiếng Việt cho NHPT.

Điều 20. Hồ sơ bảo đảm tiền vay

1. Trường hợp cho vay có bảo đảm tiền vay: hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định tại Quy chế bảo đảm tiền vay của NHPT.
2. Trường hợp cho vay không có bảo đảm tiền vay:

- a) Văn bản của Chính phủ về việc vay vốn tín dụng xuất khẩu tại NHPT không có bảo đảm tiền vay đối với trường hợp cho vay th
phủ;
- b) Văn bản cam kết của Khách hàng thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của NHPT trong trường hợp Khách hàng
kết theo Hợp đồng tín dụng mà không trả nợ trước hạn cho NHPT đối với các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 C
- c) Bộ chứng từ hàng xuất hoàn hảo theo quy định của L/C hoặc văn bản chấp nhận thanh toán của Ngân hàng phục vụ nhà nhập
toán bằng phương thức L/C đối với trường hợp cho vay sau giao hàng;
3. Trường hợp vay vốn nhiều lần, các lần vay vốn tiếp theo, Khách hàng chỉ bổ sung hồ sơ bảo đảm tiền vay trong trường hợp có th
quy định của NHPT.

Điều 21. Cho vay theo hạn mức

1. Đối tượng áp dụng

Khách hàng có nhu cầu vay vốn theo hạn mức đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này và:

- a) Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm gần nhất;
- b) Có hoạt động xuất khẩu thường xuyên trong năm;
- c) Có uy tín trong quan hệ tín dụng với NHPT.

2. Xác định hạn mức cho vay

a) NHPT xác định hạn mức cho vay đối với Khách hàng trên cơ sở nhu cầu vốn để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và xu
Khách hàng.

Tổng Giám đốc NHPT quy định việc xác định hạn mức cho vay phù hợp với quy định về mức vốn cho vay tối đa tại Quy chế này.

b) Điều chỉnh hạn mức cho vay: Trong kỳ đề nghị vay vốn, trường hợp Khách hàng phát sinh nhu cầu điều chỉnh hạn mức cho vay c
đề nghị và các tài liệu chứng minh nhu cầu phát sinh thực tế của Khách hàng, tiến hành thẩm định và điều chỉnh hạn mức cho vay đ

3. Thời hạn rút vốn của hạn mức cho vay: được xác định trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh và xuất khẩu và nhu cầu s
hàng, tối đa là 12 tháng.

Thời hạn trả nợ gốc cho mỗi khoản rút vốn vay được xác định trên cơ sở chu kỳ sản xuất kinh doanh của Khách hàng hoặc thời gian
xuất khẩu đã ký, tối đa là 12 tháng.

4. Nguồn vốn trả nợ cho NHPT từ doanh thu xuất khẩu và các nguồn thu hợp pháp khác của Khách hàng.

5. Cho vay hạn mức mới

- a) Trước thời điểm hết hạn rút vốn của hạn mức cho vay ít nhất 15 ngày, Khách hàng bổ sung hồ sơ đề nghị vay vốn theo hạn mứ
vay hạn mức mới.
- b) NHPT cho vay hạn mức mới trên cơ sở xem xét việc sử dụng hạn mức cho vay, thực tế trả nợ kỳ trước, phương án sản xuất kinh
Khách hàng.

Điều 22. Trình tự thủ tục thẩm định, quyết định cho vay

1. NHPT căn cứ bộ hồ sơ vay vốn kết hợp với kiểm tra, làm việc thực tế tại trụ sở, cơ sở sản xuất, kinh doanh của Khách hàng và
phân tích, thẩm định các nội dung sau:

- a) Đối tượng vay vốn;
- b) Tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;
- c) Năng lực pháp luật, năng lực sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
- d) Tình hình tài chính, uy tín của Khách hàng đối với NHPT và các tổ chức tín dụng khác;
- e) Tính khả thi và hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh;
- f) Tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp yêu cầu có tài sản bảo đảm tiền vay;
- g) Chấm điểm, xếp hạng Khách hàng theo quy định của NHPT.

2. Tổ chức thực hiện

a) Trường hợp khoản vay thuộc phân cấp, Chi nhánh tổ chức thẩm định và quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay.